

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch tài chính năm 2023
của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ về việc thực hiện các quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn,
tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm
2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; Nghị định số
140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi một số
điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017, Nghị định
số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-
CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của
Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh
giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số;

Căn cứ Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù với doanh nghiệp
kinh doanh xổ số quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 7148/TTr-STC ngày 23
tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch tài chính năm 2023 của Công ty
TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa, với nội dung chính như sau:

1. Kế hoạch hoạt động xổ số: Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ là
5.330.896 vé (năm triệu, ba trăm ba mươi nghìn, tám trăm chín mươi sáu vé),
trong đó:

a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước: 5.330.896 vé (năm triệu, ba trăm ba mươi nghìn, tám trăm chín mươi sáu vé).

b) Sản phẩm xuất khẩu: 0 vé (không vé).

2. Kế hoạch tài chính:

a) Kết quả kinh doanh:

- Tổng doanh thu có thuế: 54.134 triệu đồng (năm mươi tư tỷ, một trăm ba mươi tư triệu đồng).

- Tổng doanh thu thuần (đã trừ thuế): 42.890 triệu đồng (bốn mươi hai tỷ, tám trăm chín mươi triệu đồng).

- Tổng chi phí: 41.390 triệu đồng (bốn mươi một tỷ, ba trăm chín mươi triệu đồng).

- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.100 triệu đồng (một tỷ, một trăm triệu đồng).

b) Thuế và các khoản phát sinh phải nộp: Tổng số thuế phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước là 11.650 triệu đồng (mười một tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng), trong đó:

- Thuế giá trị gia tăng: 4.879 triệu đồng (bốn tỷ, tám trăm bảy mươi chín triệu đồng).

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: 6.365 triệu đồng (sáu tỷ, ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 220 triệu đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

- Các khoản thuế, phí phải nộp khác: 186 triệu đồng (một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền đề nghị phê duyệt của các nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

2. Căn cứ nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Thanh Hóa có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật để phân đấu đạt hoặc vượt các chỉ tiêu đề ra. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính đã được phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ để giám sát, đánh giá xếp loại doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp của Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Thanh Hóa năm 2023 theo quy định.

3. Các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ; Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ thực hiện của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa và thực hiện trách nhiệm công bố thông tin theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; tham mưu đề xuất, báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa và các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục:
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2023 (ĐIỀU CHỈNH) CỦA CÔNG TY
TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh
A	CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH		
I	Sản lượng		
1	Sản lượng sản phẩm tiêu thụ		
a	Sản phẩm tiêu thụ trong nước	Vé	5.330.896
	- Vé Xổ số truyền thống	Vé	762.109
	- Vé Xổ số lô tô	Vé	4.459.247
	- Vé Xổ số Bóc	Vé	35.000
	- Vé Xổ số Cào	Vé	74.540
b	Các sản phẩm xuất khẩu		
2	Giá bán các sản phẩm chủ yếu		
a	Sản phẩm tiêu thụ trong nước		
	- Vé Xổ số truyền thống	Nghìn đồng/Vé	10
	- Vé Xổ số lô tô	Nghìn đồng/Vé	10
	- Vé Xổ số Bóc	Nghìn đồng/Vé	2
	- Vé Xổ số Cào	Nghìn đồng/Vé	5
b	Các sản phẩm xuất khẩu		
B	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
I	Kết quả kinh doanh		
	Tổng doanh thu có thuế	Triệu đồng	54.134
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	42.890
	- Doanh thu thuần	Triệu đồng	42.430
	- Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	400
	- Doanh thu khác	Triệu đồng	60
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	41.390
	- Chi trả thưởng	Triệu đồng	27.136
	- Chi hoa hồng bán vé	Triệu đồng	5.712
	- Chi tiền lương	Triệu đồng	4.196
	- Chi bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	Triệu đồng	567

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh
	- Chi khấu hao tài sản cố định	Triệu đồng	141
	- Chi góp vốn Xổ số miền Bắc	Triệu đồng	119
	- Chi phí khác	Triệu đồng	3.519
3	Lãi trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	1.100
	- Lãi kinh doanh xổ số	Triệu đồng	1.040
	- Lãi khác	Triệu đồng	60
II	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước		11.650
	- Thuế giá trị gia tăng	Triệu đồng	4.879
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	Triệu đồng	6.365
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	220
	- Các khoản thuế, phí phải nộp khác	Triệu đồng	186